

Bản án số: 09/2021/DS-ST

Ngày: 13-01-2021

“V/v hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Bờ
Ông Lý Khắc Chung

- ***Thư ký phiên tòa :*** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:***
Bà Nguyễn Thị Diệu – kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 230/2020/TLST-DS, ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc Tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 345/2020/QĐST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 301/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Tuyết H, sinh năm 1981, nơi cư trú: tổ 10, ấp VP, thị trấn CD, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Huỳnh H, sinh năm 1980, nơi cư trú: tổ 10, ấp VP, thị trấn CD, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 9 năm 2020 và lời khai của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tuyết H trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:*

Bà H1 có tham gia chơi hụi do bà làm chủ hụi, gồm:

+ Dây hụi 2.000.000đ/tháng, khai ngày 15/7/2019Al, có 29 phần, bà H1 chơi 01 phần. Sau khi hốt hụi, bà có đóng được 07 lần thì ngưng từ tháng 6/2020Al. Tính đến khi mãn hụi bà còn nợ số tiền: 34.000.000 đồng;

+ Dây hụi 2.000.000đ/tháng, khai ngày 24/9/2019AL, có 35 phần, bà H1

chơi 01 phần, sau khi hết hạn, bà H1 đóng được 05 lần thì ngưng từ tháng 6/2020A1, tính đến khi mãn hạn còn nợ 50.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà H1 trả cho bà số tiền còn nợ là: 84.000.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: giải quyết theo quy định pháp luật.

- Bị đơn bà Lê Thị Huỳnh H đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng không gửi văn bản tự khai và không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của bà H1.

- Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà H trình bày: xác định chỉ khởi kiện bà H1, không yêu cầu đối với chồng bà H1, yêu cầu bà H1 trả cho bà số tiền nợ hạn là 84.000.000 đồng (tám mươi bốn triệu đồng)

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà H1 trả cho bà H số tiền 84.000.000 đồng (tám mươi bốn triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà H khởi kiện về hợp đồng góp hạn đối với bà Lê Thị Huỳnh H cư trú tại huyện Châu Phú nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Bà H1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà vắng mặt không có lý do chính đáng tại phiên tòa lần thứ hai do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H1 theo điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về người tham gia tố tụng: Theo đơn khởi kiện bổ sung, bà H yêu cầu khởi kiện bổ sung về nghĩa vụ liên đới đối với ông Nguyễn Văn Hùng, tuy nhiên vào phiên họp giải ngày 10/12/2020, bà H xác định chỉ yêu cầu khởi kiện đối với bà H1, không yêu cầu đối với ông Hùng. Do đó, Tòa án xác định ông Hùng không còn quyền lợi nghĩa vụ liên quan và ra thông báo xác định ông Hùng không còn là đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Bà H trình bày bà H1 có tham gia chơi hạn do bà làm chủ hạn và sau khi hết hạn thì bà H1 còn nợ bà số tiền 84.000.000 đồng (tám mươi bốn triệu đồng). Nay bà khởi kiện yêu cầu bà H1 có nghĩa vụ trả cho bà số tiền còn nợ 84.000.000 đồng (tám mươi bốn triệu đồng).

[2.2] Tòa án đã thực hiện, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H1 để bà thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp tuy nhiên cho đến nay bà vẫn vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử và không gửi văn bản trình bày ý kiến, xem như bà tự từ bỏ quyền lợi của bản thân.

[2.3] Căn cứ vào danh sách hội viên thể hiện bà H1 (vợ Út Hùng) là hội viên tham gia trong 02 dây hội 2.000.000đồng/tháng, khai ngày 15/7/2019AL và ngày 24/9/2019AL. Và giấy nhận tiền hội có chữ ký của bà H1 xác nhận, thể hiện bà H1 đã hốt hội ngày 24/01/2020AL đối với dây hội khai ngày 24/9/2019AL nhận số tiền 43.250.000 đồng (bốn mươi ba triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) và đối với dây hội khai ngày 15/7/2019AL nhận số tiền 33.880.000đồng (ba mươi ba triệu, tám trăm tám mươi ngàn đồng) hốt vào ngày 15/11/2019AL. Đồng thời tại bản tự khai và biên bản hoà giải ngày 10/12/2020 thì ông Nguyễn Văn Hùng là chồng của bà H1 trình bày ông xác định ông có biết việc bà H1 có tham gia chơi hội với bà H.

[2.4] Như vậy cho thấy đã có đủ cơ sở để xác định giữa bà H1 và bà H có tham gia hợp đồng góp hội, trong đó bà H là chủ hội và bà H1 là hội viên. Quá trình tham gia góp hội, thì bà H1 đã hốt hội đối với 02 dây hội này là có thật. Đối với dây hội 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 15/7/2019AL có 29 phần, bà H1 hốt ngày 15/11/2019AL, sau khi hốt hội bà H1 đóng được 07 lần (tháng 12, 01, 02, 04, 04 nhuận, 05AL). Như vậy tính đến khi mãn hội bà H1 còn nợ lại 17 lần hội chết, thành số tiền 17 lần x 2.000.000 đồng = 34.000.000 đồng. Đối với dây hội 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 24/9/2019AL có 35 phần, bà H1 hốt ngày 24/01/2020AL, sau khi hốt hội bà H1 đóng được 05 lần (tháng 02, 03, 04, 04 nhuận, 05AL). Như vậy tính đến khi mãn hội bà H1 còn nợ lại 25 lần hội chết thành số tiền 25 lần x 2.000.000 đồng = 50.000.000 đồng. Tổng số tiền là 34.000.000 đồng + 50.000.000 đồng = 84.000.000 đồng (tám mươi bốn triệu đồng)

[2.5] Việc giao dịch hợp đồng góp hội giữa bà H và bà H1 hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với qui định pháp luật theo điều 471 Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 do đó phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên với nhau. Nay bà H1 vi phạm nghĩa vụ của thành viên, căn cứ vào Điều 16 và Điều 24 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 Hội đồng xét xử xác định yêu cầu khởi kiện của bà Dung là có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà H1 có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 84.000.000 đồng (tám mươi bốn triệu đồng).

[2.6] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận do đó bà không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà tạm ứng án phí đã nộp. Bà H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ, họ;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tuyết H. Buộc bà Lê Thị Huỳnh H có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Tuyết H số tiền 84.000.000 đồng (tám mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Huỳnh H phải chịu 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Huỳnh Thị Tuyết H số tiền 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003738 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Bà Huỳnh Thị Tuyết H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị Huỳnh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Lưu; hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Hường